

Số: 10 /2017/NQ-ĐHĐCĐ

Quảng Ninh, ngày 21 tháng 4 năm 2017

**NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2016
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN VÀNG DANH - VINACOMIN**

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa 13, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Than Vàng Danh - Vinacomin;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2017, ngày 21/04/2017 của Công ty Cổ phần Than Vàng Danh – Vinacomin;

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2016, phương hướng nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2017.

1. Các chỉ tiêu chủ yếu thực hiện năm 2016:

- Than nguyên khai sản xuất 2.508/3.100 nghìn tấn, bằng 80,9% so với Nghị quyết của ĐHCĐ năm 2016, bằng 100,3% so với kế hoạch điều chỉnh và bằng 75,9 % so với năm 2015; trong đó:
 - + Than hầm lò sản xuất 2.258/2.750 nghìn tấn, bằng 82,1% so với nghị quyết của ĐHCĐ năm 2016, bằng 100,4% so với kế hoạch điều chỉnh và bằng 80,4% so với năm 2015;
 - + Than lộ vỉa: 102/150 nghìn tấn, bằng 68,3% so với Nghị quyết của ĐHCĐ năm 2016, bằng 102,5% so với kế hoạch điều chỉnh và bằng 50,1% so với năm 2015;
 - + Than giao thầu: 147/200 nghìn tấn, bằng 73,4% so với Nghị quyết ĐHCĐ năm 2016, bằng 97,8% so với kế hoạch điều chỉnh và bằng 50,7% so với năm 2015;
- Mét lò đào mới: 30.663/36.530 m, bằng 83,9% so với Nghị quyết của ĐHCĐ năm 2016, bằng 100,5% so với kế hoạch điều chỉnh và bằng 78,6% so với năm 2015, trong đó:
 - + Mét lò CBSX: 25.669/31.800 m bằng 80,7% so với Nghị quyết ĐHCĐ năm 2016, bằng 98,9% so với kế hoạch điều chỉnh và bằng 76,7% so với năm 2016;
 - + Mét lò XD CB: 4.994/4.730 m, bằng 105,6% so với Nghị quyết ĐHCĐ năm 2016, bằng 109,7% so với kế hoạch điều chỉnh và bằng 89,7% so với năm 2015;
- Than sạch sản xuất: 2.216/2.715 nghìn tấn, bằng 81,6% so với Nghị quyết ĐHCĐ năm 2016, bằng 99,7% so với kế hoạch điều chỉnh và bằng 79,9% so với năm 2015;
- Bóc đất đá lộ vỉa: 1.061/1.650 nghìn m³, bằng 64,3% so với Nghị quyết ĐHCĐ năm 2016, bằng 102,6% so với kế hoạch điều chỉnh và bằng 47,1% so với năm 2015.
- Tiêu thụ than: 2.083/2.715 nghìn tấn, bằng 76,7% so với Nghị quyết ĐHCĐ năm 2016, bằng 105,7% so với kế hoạch điều chỉnh và bằng 76,2% so với năm 2015.

- Doanh thu tổng số: 2.773,1/2.998,6 tỷ đồng, bằng 92,5% so với Nghị quyết của ĐHCĐ năm 2016, bằng 104,9% so với kế hoạch điều chỉnh và bằng 83,6% so với năm 2015.

- Tiền lương và thu nhập:

+ Quỹ lương thực hiện: 734.416 triệu đồng, bằng 93,8 % so với năm 2015;

+ Thu nhập lương bình quân: 10.528.000 đồng/người-tháng, bằng 99,5% so với Nghị quyết ĐHCĐ (10.586.000 đồng/người-tháng), bằng 100,1% so với năm 2015.

- Lợi nhuận trước thuế: 38,5 tỷ đồng, bằng 154,1 % so với Nghị quyết của năm ĐHCĐ năm 2016, bằng 52,3% so với năm 2015;

- Nộp ngân sách: 805,45 tỷ đồng, bằng 143,5 % so với năm 2015.

- Giá trị thực hiện ĐTXD: 997,7/1.058,8 tỷ đồng bằng 92,33% kế hoạch năm và bằng 152,3% so với năm 2015

2. Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2017:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2017	Ghi chú
I	Than nguyên khai	tấn	2.700.000	
1	Than hầm lò	"	2.400.000	
2	Than lộ thiên	"	200.000	
3	Than giao thầu	"	100.000	
II	Than sạch	"	2.376.000	
III	Mét lò mới	mét	28.875	
1	Lò XD CB	"	2.085	
2	Lò CBSX	mét	26.790	
V	Bóc đất đá	m3	1.880.000	
VI	Tiêu thụ	tấn	2.376.000	
VIII	Doanh thu than	tr.đ	3.017.552	
IX	Lợi nhuận	tr.đ	40.254	

Những tháng đầu năm 2017 tình hình tiêu thụ vẫn khó khăn, than tồn kho luôn ở mức cao (≈400 nghìn tấn), nếu tình hình tiêu thụ than không được cải thiện thì bộ máy điều hành sẽ có các phương án SXKD phù hợp trên nguyên tắc hiệu quả để đảm bảo lợi nhuận, cố gắng ở mức tốt nhất

Điều 2. Thông qua Báo cáo hoạt động và kết quả giám sát của Hội đồng quản trị đối với Công ty năm 2016, phương hướng nhiệm vụ năm 2017.

Điều 3. Thông qua Báo cáo giám sát hoạt động quản lý điều hành năm 2016 và Thẩm định báo cáo tài chính năm 2016 của Ban Kiểm soát Công ty.

Điều 4. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2016 đã được kiểm toán bởi công ty TNHH kiểm toán BDO.

Điều 5. Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2016

(1) Tổng lợi nhuận trước thuế	: 38.525.943.159 đồng
(2) Nộp thuế thu nhập Doanh nghiệp	: 8.907.582.509 đồng
(3) Chi phí thuế thu nhập Doanh nghiệp hoãn lại	: -269.092.026 đồng
(5) Lợi nhuận còn lại sau khi đã nộp thuế TNDN	: 29.887.452.676 đồng
(a) Trả cổ tức 3% trên vốn điều lệ	: 13.488.859.200 đồng.
(b) Lợi nhuận sau khi chi trả cổ tức còn lại là	: 16.398.593.476 đồng
- Trích 0% quỹ đầu tư phát triển sản xuất	: 0 đồng
- Trích quỹ thưởng Viên chức quản lý doanh nghiệp	: 446.601.000 đồng
- Lợi nhuận còn lại trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	: 15.951.992.476 đồng

Điều 6. Thông qua mức chi trả thù lao cho thành viên kiêm nhiệm HĐQT; BKS Công ty năm 2016, Kế hoạch chi trả thù lao cho thành viên HĐQT; BKS Công ty năm 2017.

6.1. Chi trả thù lao cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát kiêm nhiệm.

STT	Chức danh	Mức thù lao năm 2016	Ghi chú
1.	Chủ tịch HĐQT	7.892.000 đ/ tháng	
2.	Thành viên HĐQT	6.992.000 đ/ tháng	
3.	Trưởng ban Kiểm soát	6.992.000 đ/ tháng	
4.	Thành viên Ban kiểm soát	6.392.000 đ/tháng	

Tổng số tiền chi trả thù lao cho thành viên HĐQT, BKS năm 2016 là: 899.766.000 đồng.

Trong đó:

- Tổng số tiền thù lao trả cho thành viên HĐQT: 430.320.000 đồng;
- Tổng số tiền thù lao trả cho thành viên BKS : 469.446.000 đồng.
- + Thù lao Ban kiểm soát kiêm nhiệm: 179.278.000 đồng;
- + Thù lao Trưởng ban Kiểm soát chuyên trách: 290.168.000 đồng

6.2. Kế hoạch chi trả thù lao năm 2017

a) Mức thù lao của thành viên Hội đồng quản trị, ban Kiểm soát chuyên trách:

STT	Chức danh	Mức thù lao năm 2017	Ghi chú
1.	Chủ tịch HĐQT	40.984.000 đ/ tháng	
2.	Thành viên HĐQT	34.984.000 đ/ tháng	
3.	Trưởng ban Kiểm soát	34.984.000 đ/ tháng	
4.	Thành viên ban Kiểm soát	31.984.000 đ/ tháng	

b) Mức thù lao của thành viên Hội đồng quản trị, ban Kiểm soát kiêm nhiệm:

Công ty trả bằng 20% mức lương kế hoạch của các chức danh người quản lý tương ứng theo quy định, cụ thể:

STT	Chức danh	Mức thù lao năm 2017	Ghi chú
1.	Chủ tịch HĐQT	7.897.000 đ/ tháng	
2.	Thành viên HĐQT	6.997.000 đ/ tháng	
3.	Trưởng ban Kiểm soát	6.997.000 đ/ tháng	
4.	Thành viên Ban kiểm soát	6.397.000 đ/tháng	

Điều 7. Thông qua đề xuất mức cổ tức năm 2017.

Tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty vẫn gặp rất nhiều khó khăn, tình hình tiêu thụ than không được cải thiện, tồn kho cao, ngay những tháng đầu năm 2017 tồn kho của Công ty luôn ở mức cao (≈400 nghìn tấn). Dự báo trong thời gian tới công tác tiêu thụ vẫn gặp khó, dẫn đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty không cao.

Mức cổ tức năm 2017 là từ 3% ÷ 8%.

Điều 8. Thông qua phương án huy động vốn phục vụ Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017:

- Huy động vốn để thực hiện đầu tư các dự án: 860,17 tỷ đồng;
- Huy động vốn trả tiền cấp quyền khai thác khoáng sản: 154 tỷ đồng;
- Huy động vốn lưu động phục vụ SXKD năm 2017: Nhu cầu vốn ngắn hạn (vốn lưu động) bình quân một tháng: 500 tỷ đồng.

Điều 9. Thông qua Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán:

Tên công ty kiểm toán độc lập: Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC


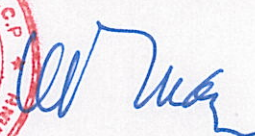
Trụ sở chính: Số 01 Lê Phụng Hiểu, Hà Nội

Điều 10. Giao cho Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát; Ban Giám đốc Công ty tổ chức thực hiện các nội dung Nghị quyết này.

Điều 11. Nghị quyết này được Đại hội cổ đông thường niên 2017 của Công ty Cổ phần Than Vàng Danh-Vinacomin thông qua toàn văn tại cuộc họp và có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội;
- Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam;
- Các cổ đông;
- HĐQT; BKS; Ban Giám đốc;
- Lưu: VP; TKCT.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HĐQT


Phạm Trung Tuấn